TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST.
Ngày: 09-8-2017.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Liễu;
2. Bà Trần Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 08 và ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn C,** sinh năm: 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 119 đường L, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Hồng T,** sinh năm: 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Số 5 đường C, khu phố 1, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Quang N, sinh năm: 1945. Địa chỉ: Số 4A đường K, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/7/2017 tại Văn Phòng Công chứng M (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Nguyễn Thị Hồng Y,** sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 119 đường L, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hồng Y là ông Trần Quang A, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số 46 đường V, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/03/2017 và được công chứng tại Văn phòng Công chứng M, số công chứng 1687.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày:** Vào ngày 19/5/2013, tôi có cho ông Nguyễn Hồng T vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) với mục đích cho ông T mượn tạm 02 tháng và không yêu cầu tính lãi, tuy nhiên lúc nhận tiền thì ông T tự viết biên nhận cùng ngày và tự nguyện trả lãi 5%/tháng. Trên thực tế trong hai tháng mượn tiền ông T đã trả tổng số tiền lãi là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng). Đến hạn ông T không trả nợ như đã hứa mà cứ khất lần và cũng không trả tiền lãi cho các tháng tiếp theo đến nay.

Đến ngày 26/9/2016, ông T có trả cho vợ tôi là Nguyễn Thị Hồng Y số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) có làm biên nhận nhưng hiện nay tôi không có bản gốc chỉ có bản photo, bản gốc do vợ ông T giữ.

Ngoài ra, ông T không trả được khoản tiền nào khác. Nay, tôi yêu cầu ông T trả số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), và tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

*** Tại bản tự khai ngày 10/5/2017 và các lời khai tại Tòa bị đơn – ông Nguyễn Hồng T trình bày:** Tôi thừa nhận vào ngày 19/5/2013, tôi có hỏi mượn ông Nguyễn Văn C số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn mượn tạm 02 tháng ông C không yêu cầu tính lãi nhưng tôi tự nguyện trả lãi 5%/tháng. Trong quá trình vay tôi đã trả cho gia đình ông C cụ thể như sau:

- Từ ngày 19/5/2013 đến ngày 31/12/2013 tôi đã trả tổng số tiền là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu); trong đó tiền vốn là 95.833.333 đồng và tiền lãi là 29.166.667 đồng (không có biên nhận);

- Năm 2014 không trả lãi và vốn do kinh tế khó khăn;

- Từ ngày 13/4/2015, tôi có trả cho bà Y tổng số tiền là 120.000.000 đồng; trong đó, gốc là 58.069.441 đồng và tiền lãi là 61.930.559 đồng (không có biên nhận);

- Ngày 26/9/2016, tôi có trả cho bà Y tổng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), có làm biên nhận cùng ngày; trong đó tiền gốc là 63.475.690 đồng và tiền lãi là 36.524.310 đồng.

Vậy, tổng số tiền tôi đã trả cho ông C là 345.000.000 đồng; trong đó trả gốc là 217.378.464 đồng và tiền lãi là 127.621.536 đồng.

Do đó, tôi chỉ còn nợ lại số tiền gốc là khoảng 95.000.000 đồng. Nếu nguyên đơn thống nhất số nợ như trên thì tôi cam kết sẽ trả hết số tiền 95.000.000 đồng vào ngày 31/5/2017. Tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi 200.000.000 đồng của nguyên đơn.

Đối với biên nhận ngày 26/9/2016 thể hiện việc trả số tiền 100.000.000 đồng, và còn nợ lại hai trăm triệu đồng chẵn là biên nhận do tôi tự viết cho bà Y ký, và số tiền nợ lại hai trăm triệu là do tôi ước chừng phỏng đoán chứ chưa tính toán chi tiết. Hiện nay, biên nhận gốc này tôi không giữ.

- Tại bản tự khai ngày 28/3/2017 và các lời khai tại Tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Y trình bày: Tôi thống nhất với nội dung trình bày của chồng tôi – Nguyễn Văn C về nội dung sự việc. Tôi thừa nhận đã nhận của ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vào ngày 26/9/2016. Ngoài ra, tôi không nhận thêm khoản tiền nào khác từ ông Nguyễn Hồng T.

*** Tại phiên tòa**:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu ông Nguyễn Hồng T phải trả số tiền vay còn thiếu là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà chỉ đồng ý trả thêm 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và lãi 5.000.000đ (Năm triệu đồng) hoặc là nếu trừ tiền lãi đã trả theo quy định pháp luật thì hiện nay ông không còn nợ ông C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

NHẬN ĐỊNH:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, là thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn xác định đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản của cá nhân ông Nguyên Văn C cho cá nhân ông Nguyễn Hồng T vay nên không yêu cầu đưa vợ ông T - bà Võ Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như không yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ phát sinh từ giao dịch dân sự của ông T.

Tại Tòa, ông T cho rằng ông đứng ra mượn nợ của ông C dùm cho một người khác, nên nếu các bên có phát sinh tranh chấp, ông T nếu có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh thì có quyền yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét việc các đương sự giao kết giao dịch dân sự là tự nguyện phù hợp khoản 1 Điều 122, khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hồng T thống nhất thừa nhận: Xuất phát từ quan hệ thân tộc với giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y - vợ ông C và T nên vào ngày 19/5/2013, ông T có hỏi mượn ông Nguyễn Văn C số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn mượn tạm 02 tháng ông C không yêu cầu tính lãi nhưng ông T tự nguyện thỏa thuận trả lãi 5%/tháng.

Tuy nhiên các bên không thống nhất về thời gian đã trả số tiền gốc và số tiền lãi đã thanh toán. Về phía ông C thì đến ngày 26/9/2016, ông T có trả cho

ông C do bà Nguyễn Thị Hồng Y nhận trực tiếp số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bà Y có làm biên nhận cùng ngày nội dung bà Y có nhận của ông T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), vậy ông T còn nợ lại 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nhưng hiện nay không có bản gốc chỉ có bản photo, bản gốc do vợ ông T giữ. Từ đó, ông C khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho ông số tiền nợ còn lại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về phía ông T, tại phiên tòa, ông thừa nhận toàn bộ lời khai của ông C và bà Y nêu trên và có cung cấp biên nhận gốc do ông và bà Y lập vào ngày 26/9/2016. Tuy nhiên, ông cho rằng trong thời gian ngày 19/5/2013 đến ngày 31/12/2013 ông đã trả nhiều lần tổng số tiền là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu); trong đó tiền vốn là 95.833.333 đồng và tiền lãi là 29.166.667 đồng (không có biên nhận); Năm 2014 không trả lãi và vốn do kinh tế khó khăn; Từ ngày 13/4/2015, ông T có trả cho bà Y tổng số tiền là 120.000.000 đồng; trong đó, gốc là 58.069.441 đồng và tiền lãi là 61.930.559 đồng (không có biên nhận); tổng số tiền ông đã trả cho vợ chồng ông C là 345.000.000 đồng; trong đó trả gốc là 217.378.464 đồng và tiền lãi là 127.621.536 đồng, nhưng không cung cấp chứng cứ xác định số tiền đã trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông. Mặt khác trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn là 100.000.000 đồng và không giữ biên nhận gốc lập ngày 26/9/2016 (BL 29-31, 36-38). Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn lại cung cấp biên nhận gốc lập ngày 26/9/2016 (BL 49) và thừa nhận phần chữ viết và chữ ký tại biên nhận này nội dung "đã trả hết nợ và nhận lại bản chính" là do ông tự viết thêm và ký tên vào thời điểm sau ngày 26/9/2016 khi không có mặt bà Y, Hội đồng xét xử thống nhất xác định các tài liệu chứng cứ này là mâu thuẫn với lời khai của bị đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và việc bị đơn đã trả hết nợ theo lập luận của bị đơn tại Tòa là không có thật.

Do đó, việc ông C khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) còn lại phát sinh từ hợp đồng vay ngày 19/5/2013 là có căn cứ.

Từ cơ sở nhận định trên, căn cứ vào Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân năm 2015 quy định về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh; và áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định về hợp đồng vay và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C, buộc bị đơn – ông Nguyễn Hồng T phải trả cho ông C số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo biên nhận lập ngày 19/5/2013 (BL 15) do nguyên đơn cung cấp và biên nhận lập ngày 26/9/2016 (BL 49) do bị đơn cung cấp.

Về tiền lãi, các bên đương sự thừa nhận có thỏa thuận lãi là 5%/tháng. Bị đơn - ông T yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật tuy nhiên không xác định được số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 127.621.536 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ hợp pháp chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận lời trình bày của bị đơn mà cho rằng trong

thời gian vay bị đơn trả được tiền lãi tổng cộng là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận. Đối chiếu Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản cho ngân hàng nhà nước quy định và căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm; Như vậy, đối với tiền lãi ông Nguyễn Hồng T phải trả cho ông Nguyễn Văn C được tính theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 19/5/2013 đến thời điểm xét xử hôm nay (ngày 09/8/2017) được tính như sau:

+ Tiền lãi từ ngày 19/5/2013 đến ngày 25/9/2016: (300.000.000 đồng x 9%/năm/12 tháng x 150% x 40 tháng 07 ngày) = 135.787.500 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

+ Tiền lãi từ ngày 26/9/2016 đến ngày 09/8/2017: (200.000.000 đồng x 9%/năm/12 tháng x 150% x 10 tháng 24 ngày) = 24.300.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng);

Tổng cộng tiền lãi ông Thái phải trả theo quy định pháp luật: (135.787.500 đồng + 24.300.000 đồng) = 160.087.500đ (Một trăm sáu mươi triệu không trăm tám mươi bảy triệu nghìn, năm trăm đồng).

Như vậy, trong trường hợp nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn lại sau khi đã trừ tiền lãi trả trước 24.000.000 đồng là (160.087.500 đồng – 24.000.000 đồng) = 136.087.500 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng); Tuy nhiên, xét việc nguyên đơn không yêu cầu ông T phải tiếp tục trả số tiền lãi còn lại theo quy định pháp luật là có lợi nhằm tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của bị đơn, phía nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu phải thanh toán một lần, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này của các bên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bị đơn – ông Nguyễn Hồng T phải chịu án phí sơ thẩm là: (200.000.000 đồng x 5%) = 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

- Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C được hoàn trả tạm ứng án phí số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003342 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147; Khoản 1 Điều 144; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 479, Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26, điểm A mục 1.4 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

Xử **:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn – ông Nguyễn Hồng T.

- Buộc ông Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Án phí sơ thẩm:

- Bị đơn – ông Nguyễn Hồng T phải chịu án phí sơ thẩm là: (200.000.000 đồng x 5%) = 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C được hoàn trả tạm ứng án phí số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003342 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Tất Ngọc Trân